

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/DS-PT
Ngày: 07/03/2019
V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Đạt**

Các Thẩm phán: Ông **Huỳnh Hiếu**

Bà **Trần Thị Thu Hằng**

Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Linh**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Phương Thảo**, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 02 và ngày 07 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2018/TLPT-DS ngày 23 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 123/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 66/2018/QĐ-PT ngày 21 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Bé B (B Đèo)**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Đức H, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện C, tỉnh T.

- *Bị đơn:* **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1948.

Địa chỉ: Ấp TL, xã T, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Nguyễn Minh T, sinh năm 1986 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 546A Ấp B, Phường 5, thành phố M, tỉnh T..

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn :

Luật sư **Võ Tuấn Vĩnh T** - Công ty luật TNHH MTV Vĩnh Thụy (có mặt).

Người kháng cáo: Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Nguyễn Minh T và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm; Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày: Ngày 06/6/2003 âm lịch, ông Nguyễn Văn Đ có mượn của bà Bé B 14.000.000 đồng và 18 chỉ vàng 24k nhưng đến nay chưa trả.

Ngày 20/01/2003 âm lịch, bà Bé B có bảo lãnh cho ông Đ mượn của bà Nguyễn Thị Ng 42 chỉ vàng và ngày 09/6/2011 bà Bé B đã trả hộ cho ông Đ nhưng đến nay ông Đ chưa trả lại cho bà Bé B.

Ngày 15/11/2008, ông Đ có nhận của bà Bé B 13.160.000 đồng và cam kết sáu tháng trả 01 lần là 2.000.000 đồng, trả 14 lần tổng cộng là 28.000.000 đồng nhưng đến nay cũng chưa trả lần nào.

Nay, bà Bé B yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ pH trả cho bà Bé B 60 chỉ vàng 24K và 42.000.000 đồng. Trả ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày: Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Bé B thì ông Đ không đồng ý. Do ông Đ không có thiếu số tiền và số vàng trên. Đối với các biên nhận do bà Bé B cung cấp ông Đ không thừa nhận có viết và ký tên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 123/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng khoản 1 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ quốc Hội ngày 30/12/2016, **xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé B.

Buộc ông Nguyễn Văn Đ trả cho bà Nguyễn Thị Bé B số tiền 27.160.000 đồng và 60 chỉ vàng 24k, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, Ng vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 10/10/2017, đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Minh T có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 123/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 11 năm 2017 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy có quyết định kháng nghị số 810/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị đối với Bản án số 123/2017/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tiền

Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo đúng qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Bản án sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau :

- Biên nhận có ghi tên bà Nguyễn Thị Thu V nhưng không đưa bà V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và Ng vụ liên quan.

- Đối với biên nhận ghi ngày 20/01/2003 có liên quan đến “gì 5 Ng” nhưng cũng không đưa bà Ng vào tham gia tố tụng .

Vi phạm nội dung: Đối với biên nhận ký hiệu A2 xác định chữ ký, chữ viết tên của ông Đ, nếu có căn cứ chứng minh bà Nguyễn Thị Bé B có tên gọi khác là B Đèo thì ông Đ pH có Ng vụ trả nợ ; Đối với biên nhận thiếu bà Ng 42 chỉ vàng thì chỉ có bà Ng mới có quyền khởi kiện; Mẫu giám định ký hiệu A3 chưa có cơ sở kết luận nên không có cơ sở để buộc ông Đ pH trả nợ.

Luật sư thống nhất với quan điểm của vị Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, đề nghị hủy án sơ thẩm.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tiền Giang: Về tố tụng thì Hội đồng xét xử phúc thẩm và thư ký chấp hành đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự, luật sư thực hiện đầy Đ các quyền và Ng vụ theo qui định của pháp luật: Đối với kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy về việc yêu cầu tòa phúc thẩm xử hủy bản án sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh tiền Giang thấy rằng:

- Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ về việc mượn tiền vàng của bà Bé B và thỏa thuận việc bà Bé B trả nợ thay cho ông Đ; Tòa án sơ thẩm xác định bà Ng là người làm chứng trong vụ án là không chính xác; Việc tòa án cấp sơ thẩm không đối chiếu các biên nhận nợ với bản chính, nhưng tại tòa phúc thẩm đương sự đã cung cấp bản chính và đối chiếu nên rút lại phần kháng nghị đối với vi phạm này; Về quyền kháng cáo của đương sự, mặc dù bản án sơ thẩm xét xử vắng mặt bị đơn nhưng chỉ tuyên thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là vi phạm tố tụng. Tuy nhiên, sau đó tòa án có đính chính bổ sung bản án nhưng thời gian rất chậm, bị đơn trong vụ án cũng đã thực hiện được quyền kháng cáo bản án. Cho nên, vấn đề này cần kiến nghị tòa án cấp sơ thẩm khắc phục sai sót mà không kháng nghị.

- Về nội dung: Tài liệu có trong hồ sơ thì không có tài liệu nào chứng minh việc thỏa thuận B bên giữa bà Bé B, ông Đ và bà Ng trong việc trả nợ thay và không đưa bà Ng vào tham gia là vi phạm; Không có tài liệu nào chứng minh

ông Đ nợ bà Bé B 60 chỉ vàng 24kr và 27.160.000đồng nhưng tòa án cấp sơ thẩm lại buộc ông Đ pH trả cho bà Bé B số tiền vàng trên là không có căn cứ.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật tố tụng dân sự tuyên hủy bản án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy tỉnh Tiền Giang, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của luật sư và đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đối với anh Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có kháng cáo và xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T theo qui định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 11/01/2017 bà Nguyễn Thị Bé B (B Đèo) có nộp đơn khởi kiện đề kiện ông Nguyễn Văn Đ đòi các khoản nợ Bo gồm:

- Tiền vay mượn là 14.000.000đồng, 18 chỉ vàng 24kr và số tiền 13.160.000đồng, hứa sau 06 tháng sẽ trả 14 kỳ, mỗi kỳ 2.000.000đồng = 28.000.000đồng.

- Bảo lãnh cho ông Đ vay của bà Nguyễn Thị Ng 42 chỉ vàng 24kr. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cũng trình bày là bảo lãnh cho ông Đ vay vàng của bà Ng, nếu bị đơn không trả thì nguyên đơn sẽ trả.

Ngày 13/4/2017 đơn khởi kiện của bà Bé B được tòa án thụ lý với quan hệ tranh chấp “*hợp đồng vay tài sản*”, sau đó hòa giải và xét xử cùng một quan hệ pháp luật “*hợp đồng vay tài sản*” là chưa đầy Đ, vụ án này có hai quan hệ pháp luật cần giải quyết, đó là *hợp đồng vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh*”. Tòa án cấp sơ thẩm không xác định hợp đồng bảo lãnh và không xét xử về quan hệ này là chưa giải quyết toàn diện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Về thiếu đưa người có quyền lợi và Ng vụ liên quan vào tham gia tố tụng: Chứng cứ mà nguyên đơn khởi kiện bị đơn là các tờ biên nhận như sau:

- Biên nhận ghi ngày 20/01/2003 với nội dung “... Tôi tên Nguyễn Văn Đ có mượn vì Năm Ng bốn cây hai vàng 24k.....” , cuối biên nhận có ghi tên Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Văn Đ ký tên ghi họ tên Nguyễn Văn Đ. Xét nội dung tờ biên nhận này thì không có chứng cứ nào thể hiện việc ông Đ nợ tiền bà Bé B, cũng không có chứng cứ nào thể hiện việc thỏa thuận B bên về việc bảo lãnh vay nợ hay trả nợ thay cũng như việc chuyển giao Ng vụ trả nợ.

- Biên nhận ghi ngày 06/6/2003 với nội dung : “...Tôi có mượn của 3 Đèo 14.000.000. tiền huội 13 chỉ vàng mượn . 5 chỉ ngày mừng...” cuối biên nhận có ghi tên Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Văn Đ ký tên ghi họ tên Nguyễn Văn Đ.

- Biên nhận ghi ngày 15/11/2008 với nội dung “...Tôi trên Nguyễn Văn Đ sinh 1948 vợ Nguyễn Thị Thu V 1956 có nhận của Hội trưởng số dón 13.160.000.....” cuối biên nhận có ghi tên Nguyễn Thị Thu V và Nguyễn Văn Đ ký tên ghi họ tên Nguyễn Văn Đ .

Xét nội dung 03 tờ biên nhận trên thì thấy rằng, tòa án cấp sơ thẩm không đưa bà Ng và bà V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và Ng vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Bởi lẽ, không làm rõ được việc ông Đ và bà V (vợ ông Đ) có cùng thiếu nợ hay không, số tiền, vàng ông Đ mượn dùng vào việc gì, vợ chồng ông Đ có pH cùng có trách nhiệm trả nợ theo qui định tại khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân gia đình hay không. Đối với bà Ng thì chưa làm rõ có việc bảo lãnh vay nợ như nguyên đơn trình bày hay không hoặc có việc thỏa thuận chuyển giao Ng vụ trả nợ cho bà Ng như thế nào. Do chưa thu thập chứng cứ đầy Đ mà tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn pH trả cho nguyên đơn số tiền 27.160.000đồng và 60 chỉ vàng 24kr là chưa có cơ sở vững chắc. Cho nên, căn cứ khoản 3 Điều 308 của luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo qui định của pháp luật. Do hủy án sơ thẩm nên chưa xét đến nội dung kháng cáo của bị đơn.

[3] Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo không pH chịu án phí dân sự phúc thẩm, nên được hoàn lại 300.000đồng tạm ứng án phí phúc thẩm.

[4] Xét kháng nghị và ý kiến phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tại phiên tòa là phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 296, khoản 3 Điều 308, 310 của Bộ luật dân sự,

Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Cai Lậy, Tiền Giang.

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 123/2017/DS-ST ngày 22/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang đã xét xử vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bé B và bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa Án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo đúng qui định của pháp luật.

2. Về án phí: Các đương sự không pH chịu án phí phúc thẩm, hoàn lại cho ông Nguyễn Minh T số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 14905 ngày 23/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.
Tuyên án công khai lúc 08 giờ ngày 07 tháng 3 năm 2019.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cai Lậy;
- Chi cục THADS huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Đạt